

LUẬN THÍCH MA HA DIỄN

QUYỂN 6

Từ trước đến đây, đã nói về phần quyết trạch nghĩa các pháp nhiệm - tịnh huân tập lẫn nhau phát sinh lẫn nhau không hề gián đoạn. Từ đây xuống dưới là phân tích biểu hiện rõ ba loại nghĩa về đại trong môn sanh diệt.

Bốn Luận nói: Lại nữa, thể tướng của Chân như, hết thảy phàm phu, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát và chư Phật không hề có sự tăng giảm, không phải là thời gian trước sanh ra, không phải là thời gian sau diệt, hoàn toàn thường có, không biến đổi, từ xưa đến nay chỉ là tánh tự nhiên đầy đủ tất cả các công đức. Đó gọi là nghĩa của tự thể có đại trí tuệ quang minh, là nghĩa của soi sáng khắp pháp giới, là nghĩa của bốn đức thường lạc ngã tịnh, là nghĩa của thể tánh trong sáng mát mẻ tự tại bất biến, có đầy đủ pháp Phật bất ly, bất đoạn, bất dị, bất tư nghị, vượt quá hằng hà sa số như vậy, cho đến đây đủ không hề có nghĩa nào thiếu sót, nên gọi là Như Lai tạng, cũng gọi là Pháp thân Như Lai.

Hỏi: Trước đây nói về Chân như, thể đó bình đẳng xa rời tất cả các tướng, tại sao lại nói thể có các loại công đức như vậy?

Đáp: Tuy thật sự có nghĩa về các công đức này, nhưng không có tướng trạng sai biệt, bình đẳng cùng một vị và chỉ có một Chân như. Nghĩa này là thế nào? Vì không có phân biệt và xa rời tướng trạng phân biệt, vì thế nên không có hại.

Lại vì nghĩa nào có thể nói là sai biệt? Vì dựa vào tướng sanh diệt của thức nghiệp để chỉ ra. Điều này chỉ ra thế nào? Do tất cả các pháp vốn có chỉ do tâm chứ thật sự không hề do niệm, nhưng có tâm vọng không hiểu biết dấy lên niệm vọng thấy các cảnh giới, nên nói là vô minh. Tánh của tâm không dấy động, chính là nghĩa của đại trí tuệ quang minh. Nếu tâm khởi lên cái thấy thì phát sinh tướng không thấy, tánh của tâm xa rời cái thấy chính là nghĩa của soi sáng khắp pháp giới. Nếu

tâm có biến động thì không phải là sự nhận thức chân thật, không hề có tự tánh, không phải thường, không phải lạc, không phải ngã, không phải tịnh, nóng bức, phiền muộn, suy yếu biến hoại thì không thể tự tại, cho đến có đủ các nghĩa của nhiễm vọng nhiều hơn cả số hằng sa. Đối lại nghĩa này nên tánh của tâm không có biến động, thì nghĩa có các tướng công đức thanh tịnh nhiều hơn số hằng hà sa được hiện rõ. Nếu tâm dấy lên, lại thấy có pháp trước đây có thể nghĩ đến, thì có những thiếu sót. Pháp thanh tịnh như vậy có vô lượng công đức, chính là một tâm lại không có pháp nơi đối tượng niệm, vì thế đầy đủ, gọi là Pháp thân, Như Lai tạng. Vả lại, dụng của Chân như, đó là hết thảy chư Phật ban đầu ở tại nhân địa, phát tâm đại từ bi tu tập các pháp Ba-la-mật, tiếp nhận giáo hóa chúng sanh, lập nên đại thế nguyện, mong muốn độ thoát cho tất cả các loài, cũng không hạn định số kiếp tận cùng thời gian vị lai, vì coi tất cả chúng sanh giống như chính bản thân mình, nhưng cũng không giữ lấy sắc tướng của chúng sanh. Ở đây do nghĩa gì? Nghĩa là biết như thật về tất cả chúng sanh cùng với bản thân mình có Chân như bình đẳng, không có sai khác. Vì có trí đại phương tiện như vậy, trừ diệt vô minh thấy được Pháp thân vốn có, tự nhiên phát sinh các loại tác dụng của nghiệp không thể nghĩ bàn, cùng với Chân như bình đẳng hiện bày khắp tất cả mọi nơi, nhưng cũng không có tướng dụng nào có thể đạt được. Tại sao? Vì chư Phật Như Lai chỉ là Pháp thân, là thân của tướng trí, là đệ nhất nghĩa đế, không hề có cảnh giới của thế tục đế và xa rời mọi sự tạo tác, nhưng tùy theo chúng sanh thấy nghe có được lợi ích nên nói là dụng. Dụng này lại có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là dựa vào thức phân biệt sự, thân Phật mà tâm phàm phu, Nhị thừa nhìn thấy được gọi là ứng thân, vì không biết là từ thức chuyển hiện bày, thấy là đến từ bên ngoài, giữ lấy giới hạn trong phạm vi của sắc tướng nên không thể biết hết được. Hai là dựa vào thức nghiệp, nghĩa là các vị Bồ-tát từ mới phát tâm, cho đến Bồ-tát ở địa cuối cùng, thân Phật mà tâm đã nhìn thấy được gọi là Báo thân. Thân này có vô lượng sắc, sắc có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp, dựa vào quả vị đã an trú cũng có vô lượng các loại trang nghiêm, tùy theo những nơi thị hiện, lập tức không có giới hạn nào không thể cùng tận, xa rời tướng giới hạn phạm vi, tùy theo những nơi thích ứng, luôn có năng lực giữ gìn chắc chắn, không thể hủy hoại, không thể mất đi. Công đức như vậy đều nhờ vào các Ba-la-mật cùng hành vô lậu huân tập, và thành tựu được sự huân tập không thể nghĩ bàn, đầy đủ vô lượng tướng trạng an lạc nên nói là Báo.

Lại nữa, thân Phật mà phàm phu thấy được ấy là sắc thân thô của Phật, tùy theo sáu đường chúng sanh đều trông thấy không như nhau, rất nhiều chủng loại khác nhau, không phải là tướng tiếp nhận an lạc nên nói là Ứng. Vả lại, thân Phật mà hàng Bồ-tát mới phát tâm nhìn thấy, là vì tin sâu vào pháp Chân như, nhìn thấy phần ít, biết các sự việc về sắc tướng trang nghiêm kia, không đi không đến, xa rời mọi giới hạn phạm vi, chỉ dựa vào tâm hiện rõ mà không xa rời Chân như. Nhưng hàng Bồ-tát này hãy còn tự phân biệt, vì chưa đi vào phần vị Pháp thân. Nếu đạt được tâm thanh tịnh nhìn thấy sắc thân vi diệu thì cái dụng đó chuyển sang thù thắng, cho đến địa Bồ-tát cuối cùng sẽ thấy được sắc thân cứu cánh. Nếu xa rời thức nghiệp thì không có tướng để thấy, vì Pháp thân của chư Phật không có sắc tướng bên này bên kia thay đổi trông thấy lẫn nhau.

Hỏi: Nếu Pháp thân của chư Phật xa rời sắc tướng, thì tại sao luôn hiện rõ sắc tướng?

Đáp: Chính Pháp thân này là thể của sắc nên luôn hiện rõ nơi Sắc tướng. Điều ấy gọi là từ xưa đến nay sắc và tâm chỉ là một, vì tánh sắc tức là trí, thể của sắc vô hình nói là trí thân, vì tánh trí chính là sắc, nên nói là Pháp thân. Sắc đã hiện rõ khắp tất mọi nơi không hề có phạm vi giới hạn, tùy theo tâm có năng lực hiện bày khắp mười phương thế giới, vô lượng Bồ-tát, vô lượng Báo thân, vô lượng trang nghiêm, tất cả đều sai biệt, đều không có phạm vi giới hạn, nhưng không ngăn ngại nhau. Điều này không phải là tâm thức phân biệt có thể biết được, vì đây chính là nghĩa về tác dụng tự tại của Chân như”.

Luận giải thích: Ngay trong văn này tự có ba phần. Thế nào là ba phần? Một là phần biểu hiện rõ về nghĩa của tự thể đại. Hai là phần biểu hiện rõ về nghĩa của tự tướng đại. Ba là phần biểu hiện rõ về nghĩa của tự dụng đại. Trong nghĩa về Đại thứ nhất có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là năm người bình đẳng. Hai là thời gian không chuyển. Đây gọi là hai phần. Trong nghĩa về Đại thứ hai có ba phần. Thế nào là ba phần? Một là công đức viên mãn. Hai là hỏi đáp giải quyết nghi ngờ. Ba là giải thích riêng, nói rộng. Đây gọi là ba phần. Trong nghĩa về Đại thứ ba tự có sáu phần. Thế nào là sáu phần? Một là bốn nguyện vô tận. Hai là ly tướng không đấm. Ba là chủ thể - đối tượng bình đẳng. Bốn là vô tướng hiện ứng. Năm là tùy theo thấy thô tế. Sáu là hỏi đáp giải quyết nghi ngờ. Đây gọi là sáu phần. Nay sẽ giải thích như thứ tự đó để nói rõ chi tiết, người thông minh nhanh nhạy hãy xem xét suy nghĩ để chọn lấy. Hơn nữa, tự thể tướng của Chân như, đó chính là nêu tổng

quát hai nghĩa về thể - tướng. Từ đây xuống dưới sẽ giải thích riêng để nói chi tiết. Thứ nhất nói về thể đại. Thế nào là năm người bình đẳng? Nghĩa là tự thể của Chân như nối thông với năm người, vì bình đẳng hoàn toàn bình đẳng không có sai biệt. Thế nào gọi là năm loại người giả định? Một là phàm phu. Hai là Thanh văn. Ba là Duyên giác. Bốn là Bồ-tát. Năm là Như Lai. Đây gọi là năm người giả định. Năm tên gọi như vậy, con người tất nhiên là có năm mà Chân như đương nhiên chỉ có một. Vì sao? Vì tự thể của Chân như không có tăng giảm, cũng không có lớn - nhỏ, cũng không có bên có - bên không, cũng không có ở giữa - hai bên, cũng không có đi - đến, từ xưa đến nay một tự thành một, như nhau tự làm như nhau, chán khác nhau bỏ phân biệt chỉ có một Chân như. Vì vậy trong Kinh Chư Pháp Chân Như Nhất Tướng Tam Muội giải thích như vậy: “Ví như kim cang làm hình tượng của năm loại, năm người bình đẳng cũng lại như vậy. Vì ở trong các người ấy không có gì tăng giảm”. Như Bồ Luận nói: “Hết thủy phàm phu, Duyên giác, Bồ-tát và chư Phật không hề có sự tăng giảm”. Thế nào gọi là thời gian không chuyển? Nghĩa là tự thể của Chân như, tự nhiên thường trú quyết định bất biến, ba đời không biến động, bốn tướng không chuyển dời, tịch diệt lại tịch diệt, chân thật thêm chân thật. Như Bồ Luận nói: “Không phải là thời gian trước sanh ra, không phải là thời gian sau diệt, hoàn toàn thường có không biến đổi”.

Đã nói về phần biểu hiện rõ nghĩa của tự thể đại. Tiếp theo nói về phần biểu hiện rõ nghĩa của tự tướng đại. Phần công đức viên mãn thì tướng đó thế nào? Nghĩa là trong chân thể viên mãn tất cả mọi công đức không có gì thiếu sót. Công đức như thế nào? Đó gọi là công đức của sáu loại nghĩa về tánh. Thế nào là sáu loại?

Một là nghĩa về đại trí tuệ quang minh, vì Bồ giác Bát nhã có năng lực loại trừ đêm tối của vô minh, ở trong kinh gọi là nghĩa về Quảng đại viên mãn thù thắng bát nhã thật trí quang minh tánh. Hai là nghĩa về soi sáng khắp pháp giới, vì Bồ giác Bát nhã soi chiếu đến nguồn gốc của một pháp giới, ở trong kinh gọi là Châu biến thông đạt nhất pháp giới tạng tự nhiên tánh.

Ba là nghĩa về sự nhận thức chân thật, vì Bồ giác Bát-nhã rời xa sự hiểu biết suy lường giả dối, ở trong kinh gọi là nghĩa về Ly vọng tưởng giải quyết định liễu tri thật tế thật tánh.

Bốn là nghĩa về tự tánh tâm thanh tịnh, vì Bồ giác Bát nhã tự nhiên vốn có vô lượng tánh công đức chứ không phải đạt được nhờ sức lực nơi khác, rời xa trần lụy hợp với sự trung thật, ở trong kinh gọi là

nghĩa về Bốn hữu minh bạch ly biên trung trung tánh.

Năm là nghĩa về thường lạc ngã tịnh, vì Bốn giác và Thủ giác từ vô thủ đến nay rời xa bốn chướng, viên mãn bốn loại đức tự nhiên, ở trong kinh gọi là nghĩa về Như-lai chánh giác tự nhiên tánh đức viên ly viêm huyễn bất tu hành tánh.

Sáu là nghĩa về thể tánh trong sáng mát mẻ tự tại bất biến, vì hai loại Bốn giác ví như hai phía Nam - Bắc của đài gương sáng vốn có tùy thuận và trái ngược lẫn nhau, ở trong kinh gọi là nghĩa về Cụ túc tùy thuận nghịch vi vô ngại đà la ni toàn biến tánh. Đây gọi là sáu nghĩa.

Tự thể có đại trí tuệ quang minh, như Bốn Luận nói: “Từ xưa đến nay tánh tự có đầy đủ tất cả công đức. Đó gọi là nghĩa của thể tánh trong sáng mát mẻ tự tại bất biến”. Trong Kinh Quảng Đại Viên Mãn Tự Tánh Bốn Đức giải thích như vậy: “Tự tánh công đức, tên gọi của số này có mười bảy loại, ở trong hai loại đầu mỗi loại phân ra hai, ở trong hai loại tiếp theo mỗi loại phân ra ba, ở trong hai loại sau như thứ tự đó phân ra bốn và ba”. Lại nữa, trong Kinh Thanh Tịnh Tâm Địa Vô Cấu Đà La Ni giải thích như vậy: “Tự tánh công đức, tên gọi của số này có hai mươi lăm loại, trong một công đức cuối cùng phân ra mười một loại”. Như vậy, tướng riêng của ba số thế nào? Tên gọi số vốn có trong Luận Ma-ha-diễn của Bồ-tát Mã Minh, vì muốn biểu hiện rõ về tướng tổng trì nên lược bớt tên gọi, mở rộng nghĩa lý, nên thu tóm chi tiết tổng quát lập thành sáu loại. Vả lại, vốn dựa vào bản khác nói về tổng trì. Hơn nữa, số tên gọi nhiều làm cho không phân biệt được đâu là chân thật, vì nghĩa này nên tổng quát lập thành sáu loại. Nói là mười bảy loại thì tên gọi thế nào? Đó là:

1. Nghĩa về đại trí tuệ.
2. Nghĩa về đại quang minh.
3. Nghĩa về biến nhất pháp giới.
4. Nghĩa về chiếu nhất pháp giới.
5. Nghĩa về chân thật.
6. Nghĩa về thức.
7. Nghĩa về tri.
8. Nghĩa về tự tánh.
9. Nghĩa về thanh tịnh.
10. Nghĩa về tâm.
11. Nghĩa về thường.
12. Nghĩa về lạc.
13. Nghĩa về ngã.

14. Nghĩa về tịnh.
15. Nghĩa về bất.
16. Nghĩa về biến.
17. Nghĩa về tự tại.

Đây gọi là mười bảy loại. Nói là hai mươi lăm loại thì tên gọi thế nào? Đó là trong công đức có nghĩa về Bất ở số trước phân ra tám loại, trong công đức có nghĩa về Biến phân ra hai loại. Nói là hai Biến thì một là Thượng lưu chuyển biến. Hai là Hạ lưu chuyển biến. Nói về tám Bất thì như trong Luận Trung Quán nói rõ.

Đã nói về phần số lượng công đức có tên gọi. Tiếp theo nói về phần công đức vượt qua số lượng, không tên gọi. Tự tánh công đức trong thể của Bốn giác là vô lượng vô biên, xa rời mọi ngôn từ số lượng, vượt qua mọi tâm hành. Vì nghĩa nào mà chỉ đối với số lượng dấy lên phân tích như vậy? Do công đức vốn có tuy không hề có số lượng mà không ra ngoài ba số, vì thế nêu ra số căn bản. Như Bốn Luận nói: “Đây đủ như vậy vượt quá hằng hà sa số”. Như thế, vô lượng vô biên công đức tất cả đều có thể tướng riêng khác sao? Chỉ một tâm lượng chứ không có thể pháp nào sai khác, chỉ một tâm lượng hoàn toàn không xa rời tâm. Vì sao? Vì tâm pháp tuy là một nhưng lại có hai loại tác dụng tự tại của Đà-la-ni. Thế nào là hai loại? Một là bản thân không xa rời Đà-la-ni tự tại kia. Hai là nơi kia không xa rời Đà-la-ni tự tại của mình. Như Bốn Luận nói: “Bất ly”. Tánh đức như vậy từ vô thủy đến nay, luôn có một cách kỳ diệu chứ không phải là pháp bị loại trừ. Vì sao? Vì tự tánh chỉ là tự tánh chứ không phải là cùng với tánh khác. Như Bốn Luận nói: “Bất đoạn”. Như vậy, tất cả mọi công đức chỉ có một tự làm thành một, cuối cùng khác với tự mình không thể làm thành một được. Vì sao? Vì đồng một pháp giới. Như Bốn Luận nói: “Bất dị”. Lý sâu xa như vậy thì tâm của tất cả Bồ-tát - tất cả Nhị thừa - tất cả phàm phu không thể tư duy, ngôn từ không thể luận bàn số lượng được, tuyệt vời càng tuyệt vời hơn, xa xăm lại xa xăm hơn. Như Bốn Luận nói: “Bất tư nghị”. Cảnh giới nói năng, suy nghĩ không phải của ba người, thì của người nào? Chỉ có bậc Đại Giác mới chính là phép tắc mẫu mực cho chính mình. Như Bốn Luận nói: “Pháp Phật”. Vô lượng tánh công đức như vậy, từ địa phàm phu (Cụ phước) cho đến địa Đại giác trí vô thượng, hoàn toàn viên mãn không có thiếu sót. Vì sao? Vì các công đức như thế từ vô thủy đến nay vốn tự nhiên, chứ không phải mượn sức lực của duyên mà kiến lập. Như Bốn Luận nói: “Cho đến đây đủ không có nghĩa nào thiếu sót, vì thế gọi là Như Lai tạng, cũng gọi là Pháp thân Như Lai”.

Đã nói về phần công đức viên mãn, tiếp đến nói về phần hỏi đáp giải quyết nghi ngờ. Ở đây có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần phát khởi lược hỏi để chất vấn. Hai là phần phát khởi trả lời rộng để giải thích. Hỏi là có ý chất vấn về tướng đó thế nào? Nghĩa là vì xét kỹ lý lẽ thì văn trình bày trái ngược nhau - trước sau lẫn lộn. Văn trước sau trái ngược nhau thế nào? Đó là trong phần quyết trạch Chân Như giải thích như vậy: “Tâm Chân như, đó chính là thể đại nơi pháp môn tổng tướng của một pháp giới, đó gọi là tâm tánh bất sanh bất diệt, tất cả các pháp chỉ dựa vào niệm vọng mà có sai biệt. Nếu xa rời tâm niệm thì không có tướng của tất cả mọi cảnh giới, vì vậy tất cả các pháp từ xưa đến nay lia tướng ngôn thuyết, lia tướng danh tự, lia tướng tâm duyên, hoàn toàn bình đẳng không có biến dị, không thể hủy hoại, chỉ là một tâm nên gọi là Chân như”. Trong phần quyết trạch về nghĩa của tự tướng đại giải thích như vậy: “Từ xưa đến nay tánh tự nhiên đầy đủ tất cả các công đức, điều đó gọi là tự thể có nghĩa đại trí tuệ quang minh, là nghĩa của tự tánh tâm thanh tịnh, là nghĩa của bốn đức thường lạc ngã tịnh, là nghĩa của thể tánh trong sáng mát mẻ tự tại bất biến, có đầy đủ pháp Phật bất ly, bất đoạn, bất dị, bất tư nghị, vượt quá hàng hà sa số như vậy, cho đến đầy đủ không có nghĩa nào thiếu sót, vì thế gọi là Như Lai tạng, cũng gọi là Pháp thân Như Lai”. Trái ngược nhau như vậy nên lấy đó để chất vấn. Như Bốn Luận nói: “Hỏi: Trước đây nói về Chân như, thể đó bình đẳng xa rời tất cả các tướng, tại sao lại nói thể có các loại công đức như vậy?”

Đã nói về phần phát khởi lược hỏi để chất vấn, tiếp theo nói về phần phát khởi trả lời rộng để giải thích. Ở đây tức có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần tổng. Hai là phần biệt. Trong phần tổng lại có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là tổng của Chân như. Hai là tổng của sanh diệt. Như thứ tự đã nói về tướng có thể thấy. Đáp: Tuy thật sự có các nghĩa về các công đức này, nhưng không có tướng trạng sai biệt, bình đẳng cùng một vị và chỉ có một Chân như. Đây chính là phần tổng về Chân như, nghĩa là tuy trong phần nghĩa về tự tướng đại giải thích như vậy, vốn có các loại công đức vượt quá hàng hà sa số, nhưng là số lượng giới hạn giới hạn nơi môn sanh diệt, chứ không phải là môn Chân như. Trong môn Chân như không có tướng sai biệt, bình đẳng và hoàn toàn bình đẳng cùng một tướng vị như nhau, chỉ có một pháp giới thanh tịnh là Chân như. Do nghĩa này nên không hề sai lầm trái ngược nhau.

Từ đây xuống dưới đưa ra nguyên nhân đó để giải quyết chấm dứt

mọi nghi hoặc. Vì không có phân biệt và lia tướng phân biệt nên không khác nhau, vì trong môn Chân như chỉ có hoàn toàn như nhau chứ không có phân biệt khác nhau. Từ đây xuống dưới giải thích tổng quát về sanh diệt. Ở trong văn này có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là hỏi. Hai là đáp. Vì có mở rộng và tóm lược, do đó hai tầng hỏi - đáp không giống nhau, cần phải biết.

Tầng hỏi - đáp thứ nhất, tướng đó thế nào và lại vì nghĩa nào mà được nói là sai biệt, đây chính là câu hỏi mở. Nói là nếu các pháp từ xưa đến nay, bình đẳng và hoàn toàn bình đẳng, cùng một tướng một vị như nhau, chỉ có một chân lý chứ không có hai thể, thì lại có pháp nào không phải là bình đẳng. Dựa vào điều đó để kiến lập sai biệt, tức là đưa ra phần khác nhau để nghi vấn về phần khác nhau. Từ đây xuống dưới là phát khởi trả lời giải thích để giải quyết chấm dứt nghi vấn này, trong văn có thể thấy rõ. “Do dựa vào thức nghiệp mà tướng sanh diệt bày ra”, đó chính là câu trả lời tổng quát. Nghĩa là trong môn Chân như không có những pháp nhiệm nhiều vô số kể làm đối tượng được đối trị, không có những pháp tịnh nhiều vô số kể làm chủ thể đối trị để đối nhau về lượng. Nên trong môn Chân như được nói như vậy: “Tất cả pháp bình đẳng, hoàn toàn bình đẳng, một vị một tướng, không có hai thể. Mà vô số, vô biên các pháp nhiệm đối tượng được đối trị, trong môn sanh diệt cùng với các pháp tịnh chủ thể đối trị cũng vô lượng vô biên, vì thế trong môn sanh diệt giải thích như vậy: “Nơi thể của Bốn giác vốn có các loại công đức, vô lượng vô biên vượt quá hàng sa số...” Đây chính là ý về đại. Tiếp theo sẽ giải thích riêng để nói chi tiết. Nói là nương tựa chính là trú địa của vô minh căn bản, là nơi nương tựa của tất cả mọi pháp nhiệm. Nói là nghiệp chính là tướng nghiệp. Nói là thức chính là các thức chuyển v.v... Tướng sanh diệt là tên gọi chung của môn loại. Nói là chỉ ra là biểu hiện rõ trái ngược nhau. Chữ Dĩ trong này có nghĩa từ xa lưu chuyển thuận theo đến với ba chữ, ba pháp như vậy khởi lên công đức, đó chính là nguyên nhân.

Đã nói về phần giải thích tóm lược, tiếp theo nói về phần giải thích rộng.

Ở trong phần này có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là hỏi. Hai là đáp. Trong này thì hỏi tóm lược mà đáp sẽ mở rộng nên biết. “Ở đây chỉ ra thế nào”, đây chính là lời chất vấn. Nghĩa là chất vấn về những lý do của sự việc ấy. Từ đây xuống dưới là trả lời thẳng vào câu hỏi này. Trong phần trả lời giải thích này có ba loại. Thế nào là ba loại? Một là Tự tông chánh lý. Hai là Phi đạo tà hạnh. Ba là Nêu đủ về lượng đối

nhau. Đây gọi là ba loại. Như thứ tự đó, giải thích tương ứng quán. Vì tất cả các pháp xưa nay chỉ do tâm chứ thật sự không hề do niệm, đây chính là phần thứ nhất là Tự tông chánh lý. Điều ấy nói lên pháp tánh từ vô thủy đến nay chỉ là một tâm, không có một pháp nào không phải là tâm. Nhưng vì có tâm vọng không hiểu biết dấy lên niệm vọng thấy các cảnh giới nên nói là vô minh, đây chính là phần thứ hai Phi đạo tà hạnh. Đó là tổng quát đưa ra các trú địa vô minh căn cứ vào phần trên. Từ đây xuống dưới trực tiếp biểu hiện đưa ra đầy đủ sự đối đãi về lượng có sai biệt. Như trên đã nói về sáu tướng công đức trong thể của Bốn giác, tất cả đều cần phải quán sát những sai lầm tai hại nào, lấy đó làm đối đãi kiến lập biểu hiện rõ. Điều ấy có nghĩa là vô minh căn bản huân tập đại dương của một tâm, phát khởi các nghiệp cùng đủ loại các thức, che kín ánh sáng của thật trí Bát nhã, tăng thêm bóng tối của sự ngu si mê loạn, tức là phạm vi của vô minh không giác ngộ mà sự sáng suốt tùy theo đó để đối đãi. Tánh của một tâm tịch diệt không dấy lên, chính là an lập công đức về trí tuệ sáng suốt của Bốn giác, kiến lập để biểu hiện rõ. Như Bốn Luận nói: “Tánh của tâm không dấy động, chính là nghĩa của đại trí tuệ quang minh.

Từ đây xuống dưới là biểu hiện công đức thứ hai, nội dung trong văn có thể thấy rõ. Như vậy, tâm vọng khởi lên thấy trái ngược với cảnh, luôn chỉ chuyển đổi trong cảnh hư vọng, không thể thông suốt được cảnh giới chân thật. Vì sao? Do thật và giả trái ngược nhau nên không thích hợp được. Như Bốn Luận nói: “Nếu tâm khởi lên cái thấy thì phát sinh tướng không thấy”. Từ đây xuống dưới trình bày về nghĩa quán sát khắp nơi. Nhưng tâm chân thật thì xa rời cái thấy chuyển đổi nên thông suốt các pháp không đâu không đến được, không có gì không thích hợp, không có gì không tận cùng. Vì sao? Vì trí tuệ chân thật nhìn thấy xa rời cái thấy giới hạn của chủ thể nhận thức và đối tượng được nhận thức. Như Bốn Luận nói: “Tánh của tâm xa rời cái thấy chính là nghĩa của soi sáng khắp pháp giới”.

Từ đây xuống dưới là trình bày về công đức thứ ba. Đó là nếu tâm có tướng động chuyển, chính là trạng thái của vô minh huân tập. Hư vọng chuyển thành sáng suốt và lấy đó để đối đãi, tánh của tâm vắng lặng hoàn toàn không có náo động, chính trực không có sự hiểu biết điên đảo, chính là sự chiếu rọi của trí thật, tùy thuận đạo lý không trái ngược mà kiến lập biểu hiện rõ. Như Bốn Luận nói: “Nếu tâm có biến động thì không phải là sự nhận thức chân thật”.

Từ đây tiếp xuống dưới là biểu hiện công đức thứ tư. Đây là pháp

hư vọng từ vô thỉ đến nay, không có tự thể sáng suốt và lấy đó để đối đãi, kiến lập biểu hiện rõ về tự tánh thanh tịnh vốn có mọi công đức. Như Bốn Luận nói: “Không có tự tánh”.

Từ đây xuống dưới là biểu hiện công đức thứ năm. Đó là nói pháp hư vọng bị chuyển đổi do bốn tướng nên chẳng phải là Thường, ba loại khổ cùng biến chuyển nên chẳng phải là Lạc, hai loại tự tại không có nên chẳng phải là Ngã, một đạo lý thanh tịnh không có nên chẳng phải là Tịnh. Bốn loại sai lầm này lấy làm lượng đối đãi, mà kiến lập biểu hiện rõ bốn loại công đức trong thể của Bốn giác. Như Bốn Luận nói: “Không phải Thường - không phải Lạc - không phải Ngã - không phải Tịnh”.

Từ đây xuống dưới là biểu hiện công đức thứ sáu. Đó là nói vì pháp hư vọng thiêu cháy tâm chân, nên gọi là nóng bức (Nhiệt). Lại là pháp làm não loạn các chúng sanh, vì thế gọi là phiền muộn (Não). Phá hoại, diệt trừ làm thay đổi tánh đức khiến không thể thực hiện, do đó suy yếu biến dạng. Vì sự này nên tất cả chúng sanh không được tự tại, do đó cũng gọi là không thể tự tại. Cần phải quán sát sự này để làm thành đối đãi, kiến lập biểu hiện rõ công đức trong lành tự tại không thay đổi. Như Bốn Luận nói: “Nóng bức phiền muộn suy yếu biến hoại thì không tự tại”.

Từ đây xuống dưới biểu hiện rõ về nghĩa của tướng công đức vô biên. Đó là nói nếu pháp nhiệm đã bị đối trị có vô lượng vô số, thì pháp tịnh có năng lực đối trị cũng vô lượng vô biên. Như Bốn Luận nói: “Cho đến có đủ các nghĩa của nhiệm vọng không kể xiết, đối lại nghĩa này nên tánh của tâm không có biến động, thì nghĩa nêu ra rõ là có các tướng công đức thanh tịnh vượt quá hằng sa số”.

Từ đây xuống dưới là kết luận về công đức viên mãn. Đó là nói nếu một tâm pháp có tướng động chuyển, lại thấy cảnh phía trước xuất hiện có thể duyên, tức có sai biệt của tâm là chủ thể nhìn thấy và cảnh là đối tượng được nhìn thấy, thì công đức của Bốn giác không thể viên mãn, mà tánh đức vốn có tuy vượt quá hằng sa số, nhưng chỉ là một tâm lượng hoàn toàn không có hai thể. Vì sao? Vì các đức như thế, tất cả mỗi đức đều không phân biệt thể của mỗi loại, đối với một pháp giới thì mức lượng đó như nhau, thế nên công đức tự tánh viên mãn. Trong hai phần vị ràng buộc và giải thoát, luôn đầy đủ gọi là Pháp thân, gọi là Như Lai tạng. Như Bốn Luận nói: “Nếu tâm có dấy lên lại thấy pháp trước đây có thể suy niệm, thì có những thiếu sót. Như vậy pháp thanh tịnh có vô lượng công đức, chính là một tâm lại không có pháp được suy niệm”, vì

thế đầy đủ gọi là Pháp thân, Như Lai tạng”. Số lượng nhiệm tịnh quyết trạch bình đẳng dựa vào kinh nào để giải thích vậy? Đó là kinh Văn Thù Sư Lợi Thiện Xảo Phương Tiện Tương Tự Thí Dụ Đại Đà La Ni. Trong kinh ấy giải thích như thế nào? Trong kinh ấy giải thích như sau: “Bấy giờ, Văn-thù-sư-lợi nhờ thần lực của Phật, tức thì nói tụng:

*Ví như A-chỉ-đa
Cây Già-na-thi-đế
Quả cây nhiều vô số
Biểu thật có mười loại
Số lượng pháp nhiệm tịnh
Cũng nên như vậy biết
Hành giả dựa dụ này
Hiểu rõ lý chân - vọng.*

Nay văn kinh này là trình bày về nghĩa gì? Vì muốn chỉ rõ về giả chính là đối đãi thật, chân quyết định nhờ vào pháp vọng, vì không có pháp nào một mình riêng biệt tự tồn tại. Nói là biểu thì dụ cho pháp nào? Đó là dụ cho pháp hư vọng, vì hư vọng giả đối không có thật ví như bên ngoài của quả cây. Nói là thật thì dụ cho pháp nào? Đó là dụ cho pháp chân thật, vì chân thật không có gì giả đối ví như bên trong của quả cây. Thế nào gọi là mười loại đẳng? Đó là:

1. Số đẳng biểu thật, là thích hợp với những số đó.
2. Trần đẳng biểu thật, là ngọn ngành nhỏ phù hợp với những số lượng đó không có sai biệt.
3. Lượng đẳng biểu thật là mức lượng tương ứng hoàn toàn không sai biệt với những mức độ nặng nhẹ.
4. Sắc đẳng biểu thật, là mức lượng xen lẫn cùng với bạch sắc.
5. Hương đẳng biểu thật, là huân tập những hương của nó.
6. Vị đẳng biểu thật, là ăn uống không có sai biệt.
7. Xúc đẳng biểu thật, là thân xúc chạm như nhau không có sai biệt.
8. Bản đẳng biểu thật, là cùng dựa vào cây cối sinh ra.
9. Câu đẳng biểu thật là nhất thời không có trước sau.
10. Đồng đẳng biểu thật, là cùng chung một vị.

Đây gọi là mười đẳng, vì đưa ra thí dụ hợp cùng với pháp giải thích về tướng rõ nên không cần phải giải thích lại. Vả lại, nếu hàng độn căn không thông hiểu sự việc này, dựa vào thí dụ về công đức đen tối sẽ tùy đó biết được ý về đẳng.

Đã nói về phần biểu hiện rõ về nghĩa của tự tướng đại, tiếp theo

nói về phần biểu hiện rõ nghĩa của tự dụng đại. Trong này có sáu phần, như thứ tự đó nên quán sát kỹ.

Nói về phần bốn nguyện vô tận, là Tăng-na-A-thế-da thanh tịnh, quảng đại viên mãn không biên vực. Nghĩa là các Đức Như Lai trong vô lượng vô biên bất khả tư nghị bất khả xưng lượng vi trần số kiếp, đầy lên tâm đại từ bi bao la như số lượng vi trần khắp mười phương thế giới, tu tập nhân đại viên mãn bao la như số lượng vi trần khắp mười phương thế giới, thấu gồm tất cả mọi chúng sanh mênh mông như số lượng vi trần khắp mười phương thế giới, lập đại thệ nguyện nhiều như số vi trần của mười phương thế giới, thành tựu quả vị đại tự tại tuyệt vời như số lượng vi trần khắp mười phương thế giới. Vì sao? Vì nhận thức chính xác như thật về nghĩa tương tục đồng nhất không sai khác. Như Bốn Luận nói: “Vả lại, dụng của Chân như, đó là hết thảy chư Phật ban đầu ở tại nhân địa, phát tâm đại từ bi, tu tập các pháp Ba-la-mật, tiếp nhận giáo hóa chúng sanh, lập nên đại thệ nguyện, mong muốn độ thoát cho tất cả các loài, cũng không hạn định số kiếp tận cùng thời gian vị lai, vì coi tất cả chúng sanh giống như chính bản thân mình”.

Đã nói về phần bốn nguyện vô tận, tiếp theo nói về phần ly tướng không đấm. Nói về phần ly tướng không đấm, là ở trong những gì đã làm, xa rời những gì đã làm, không sinh ra đấm chấp. Nghĩa là các Đức Như Lai tuy phát tâm đại từ bi vô lượng vô biên thấu tóm hóa độ hết thảy hàng sa chúng sanh, mà các Đức Như Lai không có một Ngài nào lại giữ lấy chúng sanh đã được hóa độ. Vì sao? Vì biết rõ như thật tướng của tất cả chúng sanh cùng với bản thân mình, chỉ có một Chân như - chỉ có một Pháp thân, không có tăng giảm và không hề sai biệt. Như Bốn Luận nói: “Nhưng cũng không giữ lấy sắc tướng chúng sanh. Ở đây do nghĩa gì? Nghĩa là tướng như thật mà biết tất cả chúng sanh cùng với bản thân mình có Chân như bình đẳng”.

Đã nói về phần ly tướng không đấm, tiếp theo nói về phần chủ thể, đối tượng bình đẳng. Nói về phần chủ thể, đối tượng bình đẳng, là vì nhân - pháp - thể - dụng - lý - trí bình đẳng không có sai biệt. Nghĩa là ba thân là Pháp - Báo và Hóa thân, cùng với hai lý về thật thật - giả giả, bình đẳng cùng một thể chẳng hề sai biệt. Tự tánh của thân vốn có và thân thị hiện, bình đẳng cùng một thể chẳng hề sai biệt, chánh trí năng chứng và như lý được chứng là một thể bình đẳng không có sai biệt. Do cùng một thể nên không có hai thể, không có hai thể nên cũng không có một thể, không có hai, không có một và cũng không luôn cả không có. Do nghĩa này nên bốn tánh tự nhiên có đầy đủ mọi công đức mà không

nhờ vào năng lực nào khác. Trong Kinh Thập Thâm Cực Diệu giải thích như vậy: “Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa Đức Phật: Thưa Thế Tôn! Thế nào gọi là tướng dị dị? Thế nào gọi là tướng đồng đồng đồng? Đức Phật nói: Nói là tướng dị dị dị, chính là vô minh. Nói là tướng đồng đồng đồng, chính là pháp trong sáng. Hai pháp như vậy giống như hai sừng của con bò, tướng của đối trị không phải là tiêu tan mà thể giống như hai loại không tuyệt. Vì vậy hai pháp này gọi là chẳng phải quán sát pháp không thật. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền nhờ vào thần lực của Phật, lập tức từ chỗ ngồi đứng lên, thưa Đức Phật: Thưa Thế Tôn! Thế nào gọi là pháp phi quán ngục, tướng đó có thể nói ra hay là không thể nói ra, lấy gì làm phương pháp tương ứng để nhận biết được? Đức Thế Tôn liền bảo Văn-thù-sư-lợi: Trong tất cả các kinh điển Ta giải thích như vậy: Dị là vô minh - Đồng là pháp trong sáng, vì muốn độ thoát cho hạng phàm phu ngu si mà tạm thời giải thích theo cách ấy. Hôm nay vì ông mà nói chân thật về pháp ấy. Nay Văn-thù-sư-lợi! Nói là pháp phi quán ngục, là Đồng và Dị quy về Đồng, Đồng và Đồng quy về Không, Không và Không quy về Tuyệt, cho đến nói rộng”. Như Bốn Luận nói: “Do có trí phương tiện vĩ đại như vậy, trừ diệt vô minh thấy được pháp thân vốn có, tự nhiên phát sinh các loại tác dụng của hành nghiệp không thể nghĩ bàn, thì cùng với Chân như bình đẳng hiện khắp tất cả mọi nơi”.

Đã nói về phần chủ thể, đối tượng bình đẳng, tiếp theo nói về phần vô tướng hiện ứng. Nói về phần vô tướng hiện ứng, là tự tánh của thể rỗng lặng không có hình dạng, có năng lực hiện rõ các hình dạng. Ví như sừng thỏ thì thể của nó rỗng lặng không có, dễ có thể sinh ra tất cả các loại sừng. Nghĩa là Pháp thân của Phật chỉ là một như nhau, chỉ là vắng lặng hoàn toàn, cũng không phải là một như nhau, cũng không phải là vắng lặng hoàn toàn, xử tâm hành diệt, đạo ngôn ngữ đoạn, mà diệt diệt đoạn đoạn chỉ là không làm thành không. Vì sao? Vì hết thấy Như Lai chỉ từ nơi tự thân chứ không có thân nào khác, nhưng các chúng sanh thấy nghe được lợi ích, là từ trong tâm lượng thu được lợi ích, vì trong thể của Pháp thân không có quan hệ gì. Như Bốn Luận nói: “Nhưng cũng không có tướng dụng nào có thể đạt được. Tại sao? Vì chư Phật Như Lai chỉ là Pháp thân, là thân của tướng trí, là đệ nhất nghĩa đế, không hề có cảnh giới của thế tục đế và xa rời mọi sự tạo tác, nhưng tùy theo chúng sanh thấy nghe có được lợi ích nên nói là dụng”.

Đã nói về phần vô tướng hiện ứng, tiếp theo nói về phần tùy thấy thô tế. Ở trong phần này có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần

Ứng thân dụng tướng sai biệt. Hai là phần Báo thân dụng tướng sai biệt. Phần đầu nói về gì? Đó là nói hết thấy phàm phu, Nhị thừa, vì không thể hiểu được tông chỉ rất sâu xa của tất cả các pháp, chỉ tùy tùy theo một tâm, dựa vào thức phân biệt sự tướng vọng khắp nơi, thấy Ứng Hóa thân làm thành sự hiểu biết tùy theo bên ngoài, không thể thông suốt, không có phân chia ranh giới chuyển đổi phân biệt. Như Bốn Luận nói: “Dụng này có hai loại, thế nào là hai loại? Một là dựa vào thức phân biệt sự, thân Phật mà tâm phàm phu, Nhị thừa nhìn thấy được gọi là Ứng thân, vì không biết là từ thức chuyển hiện bày, thấy là đến từ bên ngoài, giữ lấy giới hạn trong phạm vi của sắc tướng nên không thể biết hết được”. Phần tiếp theo nói về gì? Đó là nói từ địa sơ tín giải cho đến địa kim cương, tất cả Bồ-tát thông suốt rõ về tông chỉ rất sâu xa của tất cả các pháp, chỉ tùy theo một tâm, dựa vào thức nghiệp ấy thấy Báo thân Phật, dấy lên sự hiểu biết chỉ do thức, thông suốt y và chánh không hề có giới hạn. Như Bốn Luận nói: “Hai là dựa vào thức nghiệp, nghĩa là các vị Bồ-tát từ mới phát tâm, cho đến Bồ-tát ở địa cuối cùng, thân Phật mà tâm đã nhìn thấy gọi là Báo thân. Thân này có vô lượng sắc, sắc có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp, dựa vào quả vị đã an trú cũng có vô lượng các loại trang nghiêm, tùy theo những nơi thị hiện, lập tức không có giới hạn nào không thể cùng tận, xa rời tướng giới hạn phạm vi, tùy theo những nơi thích ứng, luôn có năng lực giữ gìn chắc chắn, không thể hủy hoại, không hề mất đi”. Từ đây xuống dưới biểu hiện rõ về tướng sai biệt của Báo thân và Ứng thân. Nói là Báo, là vốn có nhân thắng diệu nhận được kết quả cực lạc, tự nhiên tự tại quyết định an lạc, rời xa tướng khổ đau nên gọi là Báo. Như Bốn Luận nói: “Công đức như vậy đều nhờ vào các Ba-la-mật cùng hạnh vô lậu huân tập, và thành tựu sự huân tập không nghĩ bàn được, đầy đủ vô lượng tướng trạng an lạc nên gọi là Ứng. Nói là Ứng là tùy thuận theo căn cơ mà không trái nghịch nhau, tùy thời, tùy xứ, tùy nẻo mà xuất hiện, không phải tướng an lạc nên gọi là Ứng. Như Bốn Luận nói: “Nhưng thân Phật mà phàm phu thấy được ấy là Sắc thân thô của Phật, tùy theo sáu đường chúng sanh đều trông thấy không như nhau, rất nhiều chủng loại khác nhau, không phải là sắc thái tiếp nhận an lạc nên nói là Ứng”.

Từ đây xuống dưới lại tiếp tục giải thích rõ về những gì đã nói trước đây. Đó gọi là tất cả mọi địa đều thấy thân Phật có tăng giảm sai khác theo địa của mỗi nơi. Nghĩa này là thế nào? Nếu các Bồ-tát ở địa ba Hiền, vì tin Chân như, thấy được một phần Báo thân, quán tướng biết sắc tướng không có giới hạn số lượng, nhưng Bồ-tát này không thể là

khỏi tâm phân biệt. Vì sao? Vì chưa có thể đi vào phần vị Chân như. Như Bốn Luận nói: “Vả lại, thân Phật mà hàng Bồ-tát mới phát tâm nhìn thấy là vì tin sâu vào pháp Chân như, nhìn thấy phần ít, biết các sự việc về sắc tướng trang nghiêm kia, không đi không đến, xa rời mọi giới hạn phạm vi, chỉ dựa vào tâm hiện rõ mà không xa rời Chân như. Nhưng hàng Bồ-tát này hãy còn tự phân biệt, vì chưa đi vào phần vị Pháp thân”. Nếu các vị Bồ-tát đạt đến Thập Địa, thì như thứ tự đó chuyển thành cứu cánh thù thắng. Như Bốn Luận nói: “Nếu đạt được tâm thanh tịnh nhìn thấy sắc thân vi diệu thì cái dụng đó chuyển sang thù thắng, cho đến địa Bồ-tát cuối cùng sẽ thấy được sắc thân cứu cánh”. Nếu trong quả Phật mà thức nghiệp gieo trồng trước đây không có gì, thì chủ thể nhận thức và đối tượng được nhận thức cũng rỗng lặng chẳng có gì. Vì sao? Vì hết thảy chư Phật duy nhất là Chân như và Chân như - bình đẳng và bình đẳng, Pháp thân và Pháp thân - bình đẳng và bình đẳng, không có bên này - không có bên kia, không có mình - không có người, không có lớn - không có nhỏ, không có cao - không có thấp, không cả không và không cả có, mọi hý luận đều sạch hết, suy nghĩ nhận biết cũng rỗng lặng, chỉ một Đại không chân như bốn trí, mặc áo Già già lợi sa na đề, ở tại cung Kiện thi đa đà ma, thân tự tánh ngôi chỉ một mình không có hai. Như Bốn Luận nói: “Nếu xa rời thức nghiệp thì không có tướng để thấy, vì Pháp thân chư Phật không có sắc tướng bên này bên kia thay đổi trông thấy lẫn nhau”. Vì sao trong chương Ứng Thân giải thích như vậy: “Dựa vào thức phân biệt sự mà thấy thân Phật”. Trong chương Báo Thân giải thích như vậy: “Dựa vào thức nghiệp mà thấy thân Phật”. Đó là vì muốn biểu hiện rõ tùy theo thức thô hay tế thì thân Phật nhìn thấy sẽ tùy đó mà hiện bày thô hay tế.

Đã nói về phần tùy thuận thấy thô tế, tiếp theo nói về phần hỏi đáp giải quyết nghi ngờ. Ở phần này có hai vấn đề. Thế nào là hai? Một là hỏi. Hai là đáp. Trong phần trả lời có năm phần. Thế nào là năm? Một là phần Pháp thân xuất hiện sắc tướng. Hai là phần hiển thị hình tướng trí thân. Ba là phần hiển thị hình tướng Pháp thân. Bốn là phần quảng đại viên mãn không ranh giới. Năm là phần thù thắng không thể nghĩ bàn. Đây gọi là năm phần, như thứ tự đó nói về tướng có thể quán sát.

Hỏi: Ý lạc thì tướng đó thế nào? Điều đó là người hỏi dấy lên nghi ngờ như vậy: Hạn định Pháp thân đó có tự thể chân thật, sâu thẳm bất dứt suy nghĩ, vắng lặng đoạn tuyệt tên gọi, thì sắc tướng tác nghiệp do ai mà phát sinh? Trong phần quyết trạch về vô tướng hiện ứng giải thích

như vậy: Pháp thân vô tướng có năng lực hiện rõ sắc tướng. Nếu có năng lực xuất hiện các loại sắc tướng, thì không thể nào nói là Pháp thân không tịch xa rời cương vực của cảnh sắc hình tượng. Nghi ngờ như vậy nên phát khởi câu hỏi này. Như Bốn Luận nói: “Hỏi: Nếu Pháp thân chư Phật xa rời sắc tướng, thì tại sao luôn hiện rõ sắc tướng?”. Từ đây xuống dưới chính là giải quyết nghi ngờ này. Nói về phần Pháp thân xuất hiện sắc tướng, là tự tánh Pháp thân có năng lực làm nơi nương dựa cho sắc tướng, do đó dễ xuất hiện sắc tướng mà không có chướng ngại. Vì sao? Vì sắc pháp là chủ thể nương dựa và tâm pháp là đối tượng được nương dựa, từ vô thủy đến nay bình đẳng và bình đẳng không hề có hai thể, chỉ là một tâm lượng. Như Bốn Luận nói: “Đáp: Chính Pháp thân này là thể của sắc nên luôn hiện rõ nơi sắc tướng. Điều ấy có nghĩa là từ xưa đến nay sắc và tâm không thể là hai”. Nói về phần hiển thị hình tướng trí thân, là dùng trí thân tóm sắc, không có một sắc nào mà không phải là trí, nên gọi là trí thân. Như Bốn Luận nói: “Vì tánh sắc tức là trí, sắc thể vô hình nói là trí thân”. Nói về phần hiển thị hình tướng Pháp thân, là dùng sắc thân gồm trí, không có một trí nào không phải là Sắc, nên gọi là Pháp thân. Như Bốn Luận nói: “Do trí tánh chính là sắc, nên nói là Pháp thân”. Nói về phần quảng đại viên mãn không ranh giới, thì hai thân như vậy đã hiện rõ sắc tướng, bình đẳng khắp nơi trong tất cả cảnh giới chúng sanh, tất cả cảnh giới phi tình, tất cả cảnh giới hư không, tất cả cảnh giới Niết-bàn, tất cả cảnh giới Như Lai, không nơi nào là không thông suốt, không nơi nào không đến được, không nơi nào không thích hợp, không nơi nào không tụ hội, không nơi nào không dấy lên, cũng không có giới hạn, cũng không có chướng ngại, thuần nhất hoàn toàn không hoàn toàn, không làm hỗn loạn đến nhau. Như Bốn Luận nói: “Sắc đã hiện rõ khắp tất cả mọi nơi không hề có phạm vi giới hạn, tùy theo tâm có năng lực hiện bày khắp mười phương thế giới, vô lượng Bồ-tát - vô lượng Báo thân - vô lượng trang nghiêm, tất cả đều sai biệt, đều không có phạm vi giới hạn, nhưng không ngăn ngại nhau”. Nói về phần thù thắng không thể nghĩ bàn, thì nghiệp dụng như vậy rất sâu xa hết sức vi diệu độc tôn thù thắng, không phải là khả năng biết được của hàng phàm phu, Nhị thừa. Như Bốn Luận nói: “Điều này không phải là tâm thức phân biệt có thể biết được, vì đây chính là nghĩa về tác dụng tự tại của Chân như”. Như vậy, ba loại nghĩa rất sâu xa về đại, trong hai loại là Chân như và sanh diệt an lập thế nào? Nghĩa là trong môn Chân như thì ba loại nghĩa về đại, chỉ có tất cả lập thành một, vì không có song lập. Nếu trong môn sanh diệt thì ba loại nghĩa về đại, cả ba loại

nghĩa về đại có đầy đủ song lập, vì không có trước sau, lấy đó làm sai khác. Vì thế trong Kinh Đại Ấn ĐàLa Võng Thí Dụ giải thích như vậy: “Có nghĩa về thể đại mà không có tướng và dụng, có nghĩa về tướng đại thì không có thể và dụng, có nghĩa về dụng đại thì không có thể và tướng. Như vậy, ba đại có một thứ nhất mà không có một thứ hai. Lại nữa, có nghĩa về thể đại thì phải có tướng và dụng, có nghĩa về tướng đại thì phải có thể và dụng, có nghĩa về dụng đại thì phải có thể và tướng. Như vậy, ba đại thuận theo có một thứ nhất thì có một thứ hai, vì không rời bỏ nhau”. Các loại tướng còn lại từ trong phần quyết trạch kết luận tổng trì sẽ làm sáng tỏ nghĩa lý.

Đã nói về phần biểu hiện rõ ba loại nghĩa về đại, tiếp theo nói về phần môn tự nhập môn phá dị môn.

Bổn Luận nói: Lại nữa, biểu hiện rõ là từ môn sanh diệt lập tức đi vào môn Chân như. Đó là suy xét tìm tòi năm sắc ấm và cảnh giới sáu trần của tâm, suy cho cùng là không có niệm vọng, vì tâm không có hình tướng, cầu tìm khắp mười phương rốt cuộc không thể đạt được. Giống như người lạc đường nên nói phía Đông là phía Tây thật ra thì phương hướng không hề chuyển đổi. Chúng sanh cũng như vậy, vì vô minh làm cho mê muội do đó nói tâm là niệm, thật ra thì tâm không hề lay động. Nếu có thể quán sát biết tâm không khởi lên, thì nhất định tùy thuận đi vào môn Chân như.

Luận giải thích: Văn luận này bây giờ là trình bày về nghĩa gì? Vì muốn biểu hiện rõ về sự đối trị các dị chấp rộng hẹp lớn nhỏ. Sao nói là dị chấp? Đó là có chúng sanh khởi chấp trước như vậy: Một tâm pháp giới là pháp căn bản, cũng rộng cũng lớn, hai môn Chân - Vọng là pháp chi mật, cũng hẹp cũng nhỏ. Do cần phải đối trị chấp trước này nên tiến hành giải thích như vậy: Môn cũng là đối tượng hội nhập, cùng với lượng căn bản bình đẳng. Và lại, vì muốn biểu hiện rõ trong môn Chân như, không có tướng sai biệt của pháp hữu vi. Hơn nữa, vì muốn biểu hiện rõ trí không của năm ấm, như ấm đã không thì tự thể rỗng lặng, không có gì. Do chủ thể không và đối tượng không này đều là không, nên được đi vào phần Chân như bình đẳng. Lại nữa, vì muốn biểu hiện rõ về môn sanh diệt là giả mà môn Chân như là thật. Như Bổn Luận nói: “Vả lại, biểu hiện rõ là từ môn sanh diệt lập tức đi vào môn Chân như. Đó là suy xét tìm tòi năm sắc ấm và cảnh giới sáu trần của tâm, suy cho cùng là không có niệm vọng, vì tâm không có hình tướng, cầu tìm khắp mười phương rốt cuộc không thể đạt được”. Do nghĩa nào mà trong phần thí dụ, Đông phương dụ cho Giác - Tây phương dụ cho

Niệm? Vì muốn biểu hiện rõ Bát nhã của Bốn giác, xuất hiện ánh sáng của trí tuệ thanh tịnh, chiếu soi đêm tối của sanh tử u minh. Ví như vầng mặt trời đã xuất hiện rồi, thì tỏa ra ánh sáng phá tan màn đêm của thế gian. Vô minh trú địa sinh ra các loại pháp nhiễm tùy thuộc, che kín vô lượng ánh sáng trí tuệ thanh tịnh của tánh vô lậu. Ví như vầng mặt trời đã lặn xuống rồi, thì màn đêm bao trùm tất cả làm chướng ngại đến sự phân biệt rõ của mắt thanh tịnh. Như Bốn Luận nói: “Giống như người lạc đường nên nói phía Đông là phía Tây, thật ra thì phương hướng không hề chuyển đổi. Chúng sanh cũng như vậy, vì vô minh làm cho mê muội do đó nói tâm là niệm, thật thì tâm không hề lay động”. Từ đây xuống dưới trình bày về tướng đạt được lợi ích. Nghĩa là có chúng sanh biết rõ tâm pháp không hề có chủ thể dấy lên và đối tượng dấy lên tướng sai khác, thì được thành tựu tùy thuận Chân như, lập tức được thành tựu Chân như thì nhất định đi vào, vì không có tùy thuận thì không đi vào được. Như Bốn Luận nói: “Nếu có thể quán sát biết tâm không khởi lên, thì nhất định tùy thuận đi vào môn Chân như”.

Đã nói về phần môn tự nhập môn phá dị môn, tiếp theo nói về đối trị chấp tà chánh giải môn.

Bốn Luận nói: Đối trị chấp tà, tất cả mọi chấp tà đều dựa vào ngã kiến, nếu xa rời ngã thì không có chấp tà. Ngã kiến này có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là ngã kiến thuộc về người. Hai là ngã kiến thuộc về pháp. Ngã kiến thuộc con người là dựa vào các phàm phu, nói có năm loại. Thế nào là năm loại?

Một là nghe kinh giáo nói về Pháp thân Như Lai hoàn toàn vắng lặng giống như hư không, vì không biết điều đó là phá trừ chấp trước, liền nói hư không là tánh Như Lai. Đối trị thế nào? Là trình bày tướng trạng hư không là pháp hư vọng, thể không có, không thật, vì đối với sắc nên có tướng trạng có thể thấy này khiến tâm sanh diệt, mà tất cả sắc pháp xưa nay là tâm, thật sự không có sắc ngoài. Nếu không có sắc thì không có tướng trạng của hư không, đó gọi là tất cả cảnh giới chỉ do tâm vọng khởi mà phát sinh. Nếu tâm xa rời vọng động thì tất cả mọi cảnh giới không còn, chỉ một tâm chân không nơi nào không đầy khắp, đây gọi là nghĩa lý của Như Lai tánh trí quảng đại cứu cánh, không phải giống như tướng trạng hư không.

Hai là nghe kinh giáo nói các pháp thế gian chung quy thể là không, cho đến pháp Chân như Niết-bàn cũng suy cho cùng là không, từ xưa đến nay tự là không và xa rời tất cả các tướng. Vì không biết đây là phá trừ chấp trước, liền cho rằng tánh của Chân như Niết-bàn chỉ là

không. Đối trị thế nào? Là trình bày tự thể của Chân như Pháp thân là bất không, vì có đầy đủ vô lượng tánh công đức.

Ba là nghe kinh giáo nói Như Lai tạng không có tăng giảm, thể đầy đủ pháp của tất cả mọi công đức. Vì không hiểu nên chấp: Như Lai tạng có sắc tâm pháp và tự tướng sai biệt. Đối trị thế nào? Vì chỉ dựa vào nghĩa Chân như mà nói nên mượn nghĩa của pháp nhiệm sanh diệt biểu hiện rõ để nói về sai biệt.

Bốn là nghe kinh giáo nói tất cả pháp nhiệm sanh tử của thế gian đều dựa vào Như Lai tạng phát sinh, tất cả các pháp không xa rời Chân như. Do không hiểu nên nói tự thể của Như Lai tạng có đủ tất cả các pháp sanh tử của thế gian. Đối trị thế nào? Vì Như Lai tạng từ xưa đến nay, chỉ có các nghĩa Chân như bất ly bất đoạn bất dị và các công đức thanh tịnh vượt quá hằng sa số, vì các pháp nhiệm phiền não vượt quá hằng sa số, chỉ là vọng giả phát sinh chứ tánh tự vốn không có, do đó từ vô thủy đời kiếp đến nay chưa từng tương ứng với Như Lai tạng. Nếu thể của Như Lai tạng có pháp vọng, khiến cho chứng đắc hội nhập vĩnh viễn chấm dứt pháp vọng, thì điều này hoàn toàn phi lý.

Năm là nghe kinh giáo nói dựa vào Như Lai tạng nên có sanh tử, dựa vào Như Lai tạng nên đạt được Niết-bàn. Do không hiểu nên nói chúng sanh có bắt đầu. Vì thấy có bắt đầu, nên lại nói Niết-bàn Như Lai đã đạt được sẽ có điểm cuối cùng và sẽ trở lại làm chúng sanh. Đối trị thế nào? Vì Như Lai tạng không có đời trước, tướng của vô minh cũng không hề có bắt đầu. Nếu nói ngoài ba cõi lại có chúng sanh mới bắt đầu, chính là kinh điển của ngoại đạo nói. Lại nữa, Như Lai tạng không hề có đời sau, vì tương ứng cùng với Niết-bàn của chư Phật đã đạt được, vì thế sẽ không có đời sau.

Ngã kiến thuộc về pháp là dựa vào hàng độn căn của Nhị thừa, Như Lai chỉ nói cho họ về nhân vô ngã và ngôn thuyết không thể rốt ráo, nên họ thấy có pháp sanh diệt của năm ấm, sợ hãi sinh tử mà vọng giữ lấy Niết-bàn. Đối trị thế nào? Vì pháp của năm ấm tự tánh không sanh ra thì sẽ không có diệt Niết-bàn vốn có. Hơn nữa, cuối cùng xa rời chấp vọng, nên biết pháp nhiệm pháp tịnh thấy đều đối đãi lẫn nhau, không có tự tướng nào có thể nói. Vì vậy, tất cả các pháp từ xưa đến nay, chẳng phải sắc, chẳng phải tâm, chẳng phải trí, chẳng phải thức, chẳng phải có, chẳng phải không, suy cho cùng là không thể diễn tả được tướng trạng, nhưng có ngôn ngữ diễn tả, nên biết là Như Lai đã dùng phương tiện khéo léo, mượn ngôn ngữ diễn tả để dẫn dắt chúng sanh, tông chỉ của Ngài đều là vì chúng sanh xa rời niệm vọng quy về

Chân như, do lẽ niệm vọng về tất cả các pháp thì khiến cho tâm sanh diệt không thể hội nhập với trí thật được.

Luận giải thích: Ngay trong văn này có bốn phần. Thế nào là bốn phần? Một là phần biểu hiện rõ về căn bản tổng tướng. Hai là phần biểu hiện rõ về nhân kiến đối trị. Ba là phần biểu hiện rõ về pháp kiến đối trị. Bốn là phần biểu hiện rõ về câu phi tuyệt ly. Đây gọi là bốn phần. Nói về phần biểu hiện rõ căn bản tổng tướng, là tất cả đạo tà vô lượng vô biên vượt quá hàng sa số, tất cả định chấp vô lượng vô biên vượt quá hàng sa số, đều lấy ngã kiến làm nơi nương tựa của mình, sinh ra và tăng thêm lại không có gì sót lại, nên làm căn bản của những chấp tà này. Vì vậy trong Kinh Vô Minh Trú địa Vô Biên Tế nói như sau: “Tất cả vô lượng các loại biến luận tà hư vọng lấy núi lớn ngã kiến để dựa vào mà chuyển đổi, ví như tất cả vô lượng vô biên các loại cây cối, các loại cỏ cây, thầy đều lấy núi làm nơi nương tựa mà chuyển đổi”. Như Bốn Luận nói: “Đối trị chấp tà, tất cả mọi chấp tà đều dựa vào ngã kiến, nếu xa rời ngã thì không có chấp tà. Ngã kiến này có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là ngã kiến thuộc về người. Hai là ngã kiến thuộc về pháp”.

Đã nói về phần biểu hiện rõ căn bản tổng tướng, tiếp theo nói về phần biểu hiện rõ nhân kiến đối trị. Nói về phần biểu hiện rõ cách đối trị cái thấy thuộc chấp ngã, dứt khoát là vì đối trị cái chấp sai lầm tai hại của tất cả phàm phu thuộc loại tự định tà và tự bất định để sanh ra hiểu biết vi diệu, thù thắng. Tướng đối trị chương ngại riêng biệt về năm loại nhân Kiến, nội dung trong văn rõ nên không cần phải giải thích lại. Và lại, không có gì là khác lược cả. Như Bốn Luận nói: “Ngã kiến thuộc về con người là dựa vào các phàm phu mà nói có năm loại... cho đến nói rộng. Hơn nữa, Như Lai tạng không hề có đời sau, vì tương ứng cùng với Niết-bàn của chư Phật đã đạt được, vì thế không có đời sau”.

Đã nói về phần biểu hiện rõ nhân kiến đối trị, tiếp theo nói về phần biểu hiện rõ pháp kiến đối trị. Nói về phần biểu hiện rõ cách đối trị cái thấy thuộc chấp pháp, là thẳng thắn để đối trị cái chấp sai lầm về thật có của hàng chúng sanh Nhị thừa, khiến có thể thành tựu lý pháp không rộng lớn. Tướng đối trị chương ngại riêng biệt của hai loại pháp kiến, nội dung trong văn rõ nên không cần phải giải thích lại. Như Bốn Luận nói: “Ngã kiến thuộc về pháp là dựa vào hàng độn căn của Nhị thừa, Như Lai chỉ nói cho họ về nhân vô ngã... cho đến nói rộng, thì sẽ không có diệt, Niết-bàn vốn có”.

Đã nói về phần biểu hiện rõ pháp kiến đối trị, tiếp theo nói về

phần biểu hiện rõ câu phi tuyệt ly. Nói về phần cả hai đều không phải đoạn tuyệt xa rời, nếu như có chúng sanh nào loại trừ được hai chấp, chứng được hai không, thông suốt các pháp đạo ngôn ngữ đoạn, xử tâm hành diệt, đoạn trừ lại đoạn trừ, soi chiếu vắng lặng, diệt sạch lại diệt sạch, suy nghĩ chấm dứt, không có gì đạt được. Như Bốn Luận nói: “Hơn nữa, cuối cùng xa rời chấp vọng, nên biết pháp nhiệm pháp tịnh thấy đều đối đãi lẫn nhau, không có tự tướng nào có thể nói. Vì vậy, tất cả các pháp từ xưa đến nay, chẳng phải sắc, chẳng phải tâm, chẳng phải trí, chẳng phải thức, chẳng phải có, chẳng phải không, suy cho cùng là không thể diễn tả được tướng trạng... cho đến nói rộng, khiến cho tâm sanh diệt không hội nhập với trí thật được”.

